

Số: /BC-SNN

Quảng Trị, ngày tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Về một số nội dung theo Thông báo kết luận của BTV Tỉnh ủy tại Phiên họp ngày 9/03/2023

Kính gửi: Ban cán sự Đảng UBND tỉnh

Ngày 17/3/2023, Tỉnh ủy Quảng Trị có Thông báo kết luận số 451-TB/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 9/03/2023. Trong đó, có nội dung đối với Đề án phát triển lâm nghiệp và đề xuất chủ trương xây dựng chính sách hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh và đối với chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2025. Để làm rõ yêu cầu về 2 nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo Ban cán sự Đảng UBND tỉnh cụ thể như sau:

I. Đối với Đề án phát triển lâm nghiệp và đề xuất chủ trương xây dựng chính sách hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh: Phát triển lâm nghiệp là một ngành kinh tế quan trọng, vì vậy, đề nghị Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo bổ sung xây dựng Đề án một cách tổng thể, toàn diện từ việc trồng, quản lý và bảo vệ rừng, gắn với công nghiệp chế biến; trên cơ sở đó, đề xuất các chính sách cụ thể để phát triển ngành kinh tế lâm nghiệp bền vững.

Quảng Trị nằm ở khu vực Bắc Miền Trung, trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, có tổng diện tích tự nhiên 470.123 ha, trong đó diện tích rừng và đất lâm nghiệp quy hoạch phát triển rừng 285.878,0 ha (rừng tự nhiên 126.621,77 ha, rừng trồng 119.374,23 ha, đất quy hoạch phát triển rừng 39.882,0 ha), chiếm 60,8% diện tích toàn tỉnh; điều kiện tự nhiên, khí hậu và tiềm năng đất đai khá thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp. Lâm nghiệp ngày càng khẳng định là thế mạnh của tỉnh, rừng với vai trò là tác nhân chủ đạo để giữ ổn định môi trường, sinh thái, cảnh quan trong điều kiện khắc nghiệt của khí hậu thời tiết; là một ngành kinh tế kỹ thuật có đóng góp đáng kể vào GRDP của tỉnh, đồng thời là nguồn thu nhập, tạo thêm việc làm cho lao động trên địa bàn, có thể nói lĩnh vực Lâm nghiệp có vai trò vị thế ngày càng quan trọng, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh.

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Trị đã ban hành và triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách để hỗ trợ phát triển kinh tế lâm nghiệp; huy động nhiều nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa sản xuất lâm nghiệp,... Do đó, kinh tế lâm nghiệp của tỉnh đã phát triển khá rõ nét.

Giai đoạn 2021-2025, nhiều thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước và thực tiễn quản lý, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp của tỉnh trong thời kỳ mới, đòi hỏi cần có những điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với những quy định hiện hành của

Nhà nước và thực tiễn tại địa phương, làm cơ sở để định hướng đầu tư, quản lý, bảo vệ, sử dụng rừng, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp bền vững; phát triển ngành lâm nghiệp tương xứng với tiềm năng, khắc phục những hạn chế còn tồn tại, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát huy, khai thác tốt các nguồn lực, lợi thế để lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế chủ lực, hiện thực hóa Nghị quyết của tỉnh Đảng bộ, đưa Quảng Trị thành trung tâm vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng của Miền Trung. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh; ngay từ năm 2021, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu xây dựng “Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030”.

Trong Đề án, thực trạng sản xuất Lâm nghiệp trong 10 năm qua (giai đoạn 2021-2020) về công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên; công tác phát triển rừng; công tác khai thác, chế biến và tiêu thụ lâm sản; việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất lâm nghiệp đã được đánh giá một cách toàn diện, nhìn nhận một cách thấu đáo về thực trạng phát triển lâm nghiệp của tỉnh nhà trong giai đoạn vừa qua, từ đó xác định những tồn tại, nguyên nhân để đưa ra được các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn mới và đề xuất các chính sách phù hợp cho phát triển lâm nghiệp. Với tổng nhu cầu đầu tư giai đoạn 2023 – 2025 của Đề án là **838.960,6 triệu đồng**. Đề án đã được đăng tải rộng rãi, lấy ý kiến của các sở ngành, địa phương, UBMTTQVN, các tổ chức chính trị xã hội. Qua tiếp thu ý kiến tham gia của các sở ngành, địa phương, nhất là ý kiến của Sở Tư pháp và Sở Tài chính về nguồn lực và thẩm quyền ban hành Đề án, đặc biệt phân tích các chính sách hiện hành trên lĩnh vực lâm nghiệp hiện có và những khó khăn tồn tại lớn nhất hiện nay đó là:

Về chính sách lâm nghiệp hiện có: Nhằm hỗ trợ công tác quản lý bảo vệ rừng đối với diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng tự nhiên sản xuất, Trung ương đã ban hành các chính sách hỗ trợ công tác khoán bảo vệ rừng trong Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Tiểu dự án 1, Dự án 3); chính sách phát triển lâm nghiệp bền vững tại Quyết định 809/QĐ-TTg về phê duyệt chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT hướng dẫn thực hiện 02 chương trình trên. Tại tỉnh Quảng Trị, HĐND đã ban hành Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Trồng, bảo vệ phát triển rừng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích rừng trồng gỗ lớn sẽ được hỗ trợ đầu tư 1.000ha, nâng cấp rừng trồng phòng hộ 600ha; làm giàu rừng tự nhiên 600ha,... và đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng phục vụ lâm sinh (đường ranh cản lửa, nhà trạm, đường tuần tra,...); Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, trong đó có chính sách hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn có chứng chỉ quản lý rừng bền vững với 1.000ha/năm; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; trồng rừng phòng hộ, đặc dụng thay thế

những diện tích rừng chuyển đổi để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn đảm bảo độ che phủ rừng.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 48 nhà máy kinh doanh chế biến lâm sản với công suất được cấp phép trên 2.500.000 tấn/năm, công suất đang hoạt động trên 1.300.000 tấn/năm và 126 cơ sở kinh doanh chế biến lâm sản được cấp phép đầu tư hoạt động, chủ yếu sản xuất ván ghép thanh, ván lạng, cửa gia công và một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đồ gỗ nội thất, đồ mộc dân dụng... phục vụ nhu cầu thị trường trong tỉnh, giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động. Nhờ vậy, lĩnh vực chế biến gỗ và thương mại lâm sản của tỉnh đã có những bước tiến vượt bậc trong chiếm lĩnh thị trường trong nước. Để có giải pháp đáp ứng nhu cầu gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tỉnh Quảng Trị đã phê duyệt *Đề án phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2019 – 2025, định hướng đến năm 2030*; *Đề án phát triển ngành Công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025* và đã tham gia triển khai *Đề án phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ bền vững tại Miền trung phục vụ chế biến và xuất khẩu giai đoạn 2021-2025*” do Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, với mục tiêu hình thành vùng sản xuất nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ quy mô hàng hóa tập trung, hiện đại, ứng dụng công nghệ tiên tiến trên cơ sở liên kết bền vững giữa các hợp tác xã với các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu nhằm thúc đẩy nhanh, hiệu quả và bền vững quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới ở vùng Duyên hải miền Trung; phát triển và nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của các HTX nông lâm nghiệp trong chuỗi giá trị gỗ rừng trồng; đáp ứng yêu cầu về mặt chất lượng và giảm giá thành sản phẩm nguyên liệu gỗ rừng trồng phục vụ chế biến và xuất khẩu; đảm bảo phân phối công bằng lợi nhuận của tất cả các bên tham gia trong chuỗi liên kết thông qua đó để tăng thu nhập, góp phần cải thiện đời sống của người dân địa phương.

Ngoài ra, hiện nay trên địa bàn tỉnh cũng được tham gia các dự án Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam do USAID, Hoa kỳ tài trợ; Dự án Nhân rộng Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng do Chính phủ CHLB Đức tài trợ và các Dự án NGOs do MCNV, WWF,... tài trợ nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý, bảo tồn và phát triển rừng ngày càng bền vững, hiệu quả hơn.

Như vậy, chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng, trồng, chăm sóc rừng đặc dụng, phòng hộ và phát triển rừng gỗ lớn trên địa bàn trong giai đoạn hiện nay đã được quan tâm, đáp ứng cơ bản nhu cầu thực tiễn.

Trên cơ sở phân tích những chính sách hiện có và những điểm còn tồn tại khó khăn lớn nhất hiện nay trong công tác quản lý bảo vệ rừng đó là: Sự khó khăn vất vả, chế độ chính sách đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng chưa có (mỗi người bình quân quản lý hơn 1.000 ha rừng phòng hộ đặc dụng; thu nhập 3 – 5 triệu đồng/người/tháng); Mức hỗ trợ kinh phí cho quản lý bảo vệ rừng đặc dụng quá thấp chỉ có 100.000 đồng/ha, không đảm bảo duy trì công tác giao khoán bảo vệ rừng theo Phương án quản lý rừng bền vững đã được UBND tỉnh phê duyệt; thiếu kinh phí phục vụ công tác giao đất, giao rừng; thiếu quy định về mức

chi cho các lực lượng tham gia chốt chặn nhằm khuyến khích, động viên các lực lượng tham gia quản lý, bảo vệ rừng vào những đợt cao điểm về PCCCR, đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng, vận chuyển lâm sản trái phép.

Trên cơ sở phân tích các điểm nghẽn, hạn chế như trên và đảm bảo phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản QPPL; Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương đã được Sở Tài chính thống nhất tại văn bản số 500/STC-TCHCSN ngày 23/2/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã đề xuất UBND tỉnh đề trình BTV Tỉnh ủy cho chủ trương trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết một số chính sách của địa phương hỗ trợ công tác quản lý bảo vệ rừng, tập trung vào 3 chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương và 1 quy định mức hỗ trợ cho các tổ chốt chặn, cụ thể như sau:

1. Chính sách hỗ trợ kinh phí quản lý bảo vệ rừng đặc dụng

- Đối tượng hỗ trợ: Các Ban quản lý rừng đặc dụng; cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được các Ban quản lý rừng đặc dụng giao khoán để bảo vệ rừng đặc dụng.

- Điều kiện hỗ trợ: Đối với những diện tích rừng đặc dụng được giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng quản lý dự kiến giao khoán bảo vệ rừng từ nguồn ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm. Chủ rừng được sử dụng kinh phí này để thực hiện khoán bảo vệ rừng theo định mức, cơ chế, chính sách đối với các khu vực tương ứng.

- Diện tích hỗ trợ: 22.000 ha/năm (diện tích cần giao khoán bảo vệ rừng từ nguồn ngân sách của 2 Ban quản lý rừng đặc dụng theo Phương án quản lý rừng bền vững đã được UBND tỉnh phê duyệt: Ban quản lý Khu BTTN Đakrông: 12.000 ha/năm, Ban quản lý Khu BTTN Bắc Hương Hóa: 10.000 ha/năm).

- Mức hỗ trợ: 95.000 đồng/ha/năm.

- Nguồn kinh phí: Từ ngân sách tỉnh.

- Tổng kinh phí hỗ trợ: 2.090 triệu đồng/năm (Ban quản lý Khu BTTN Đakrông: 1.140 triệu đồng/năm, Ban quản lý Khu BTTN Bắc Hương Hóa: 950 triệu đồng/năm).

2. Chính sách hỗ trợ kinh phí cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng

- Đối tượng hỗ trợ: Toàn bộ lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng làm việc tại các đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt tại Đề án vị trí việc làm.

- Điều kiện hỗ trợ: Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của các chủ rừng theo quy định tại khoản 2, Điều 16, Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, để thực hiện các nhiệm vụ theo Điều 14, Nghị định 01/2019/NĐ-CP. Hỗ trợ một số chế độ phụ cấp tuần tra, kiểm tra rừng, trang bị đồng phục cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.

- Mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Nguồn kinh phí: Từ ngân sách tỉnh.

3. Chính sách hỗ trợ kinh phí giao đất, giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư

- Đối tượng hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư.
- Điều kiện hỗ trợ: Các cộng đồng dân cư, các hộ gia đình, cá nhân thường trú tại địa phương được giao đất, giao rừng tự nhiên do UBND xã quản lý.
- Diện tích hỗ trợ: 500 ha/năm.
- Mức hỗ trợ: 1.332.000 đồng/ha.

Trong đó:

* Hỗ trợ kinh phí giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư: 870.000 đồng/ha.

* Hỗ trợ kinh phí giao đất cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư: 462.000 đồng/ha.

- Nguồn kinh phí: Từ ngân sách tỉnh 70%, từ ngân sách huyện 30%, cụ thể:

- Tổng kinh phí hỗ trợ: 666,0 triệu/năm (Ngân sách tỉnh: 446,2 triệu đồng/năm; Ngân sách huyện: 199,8 triệu đồng/năm), trong đó:

* Hỗ trợ kinh phí giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư: 435 triệu đồng/năm (Ngân sách tỉnh: 304,5 triệu đồng/năm; Ngân sách huyện: 130,5 triệu đồng/năm).

* Hỗ trợ kinh phí giao đất cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư: 231 triệu đồng/năm (Ngân sách tỉnh: 161,7 triệu đồng/năm; Ngân sách huyện: 69,3 triệu đồng/năm).

4. Quy định mức chi cho các tổ chốt chặn bảo vệ rừng

- Đối tượng hỗ trợ: Lực lượng tham gia các tổ chốt chặn bảo vệ rừng được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Điều kiện hỗ trợ: Lực lượng tham gia các tổ chốt chặn bảo vệ rừng được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được chi trả hỗ trợ kinh phí trong thời gian được huy động tham gia chốt chặn.

- Mức hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày.

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí hợp pháp của chủ rừng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ cho 03 chính sách từ ngân sách địa phương cho công tác quản lý bảo rừng dự kiến **4,070 tỷ đồng/năm** (ngân sách tỉnh: 3.870 triệu đồng/năm; ngân sách địa phương: 199,8 triệu đồng/năm). Bên cạnh đó, Sở cũng đề nghị ban hành Quy định mức chi cho các tổ chốt chặn bảo vệ rừng để huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác của chủ rừng nhằm khuyến khích, động viên các lực lượng tham gia quản lý, bảo vệ rừng vào nhưng đợt cao điểm về PCCCR, đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng, vận chuyển lâm sản trái phép.

II. Đối với chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025: Các chính sách do Ban cán sự đảng UBND tỉnh trình chỉ mới tập trung hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân, đề nghị Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo bổ sung thêm các chính sách để áp dụng đối với trường hợp di dời cả khu vực, thôn, bản... để phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay; đồng thời, tính toán các phương án

đảm bảo sinh kế gắn liền với việc di dời dân cư, đảm bảo cuộc sống ổn định, bền vững cho người dân đến nơi ở mới.

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng Dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025. Trong đó, tại dự thảo lần 1, cơ quan soạn thảo đã đưa vào dự thảo Nghị quyết toàn diện các nội dung hỗ trợ bao gồm: đầu tư cơ sở hạ tầng các khu di dân tập trung, hỗ trợ nhà ở, lương thực, di chuyển người và tài sản, hỗ trợ di dân ra Đảo Cồn Cỏ và các giải pháp hỗ trợ sinh kế cho người dân đến nơi ở mới.

Sau khi có văn bản trả lời của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính về nguồn vốn thực hiện Nghị quyết, đó là: Kinh phí chương trình bố trí dân cư được quy định tại Quyết định 590/QĐ-TTg được chính phủ bao gồm ngân sách Trung ương¹ và ngân sách địa phương; tuy nhiên, do Quyết định 590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành muộn nên nguồn vốn trung hạn Ngân sách Trung ương đã được tỉnh bố trí phân bổ hết tại Nghị quyết 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 và được sửa đổi bổ sung tại Nghị Quyết 62/NQ- HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh. Do vậy, trong phạm vi Nghị quyết trình HĐND tỉnh lần này thống nhất chỉ hỗ trợ các nội dung trực tiếp gồm: hỗ trợ di chuyển người và tài sản, nhà ở, lương thực, nước sinh hoạt; hỗ trợ ổn định dân cư tại chỗ và hỗ trợ di dân ra Đảo Cồn Cỏ (*lương thực để ổn định đời sống thời gian đầu và hỗ trợ chi phí di chuyển nhà và tài sản cho nhân dân ra Đảo*); các chính sách khác chủ yếu lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

- Đối với trường hợp di dời cả khu vực, thôn, bản: Đây là hình thức di dời tập trung, khẩn cấp, cần xây dựng dự án cụ thể bao gồm toàn diện các nội dung gồm đầu tư cơ sở hạ tầng, giải pháp sinh kế và các chính sách hỗ trợ khác. Về nguồn lực sẽ đề xuất huy động lồng ghép từ các chương trình, dự án của Trung ương, địa phương; trong phạm vi dự thảo Nghị quyết này sẽ không đủ nguồn lực để bố trí.

Nếu xảy ra trường hợp nêu trên, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các sở, ngành địa phương tham mưu rà soát thống nhất vị trí (trên cơ sở các vị trí đã được quy hoạch), lập dự án, xây dựng phương án di dân cụ thể trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

Như trường hợp tại huyện Hướng Hóa vào năm 2020: Trước tình hình sạt lở đất có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng và tài sản của nhân dân tại 3 xã (Hướng Sơn, Hướng Lập, xã Húc) thuộc huyện Hướng Hóa năm 2020, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp các ngành, UBND huyện Hướng Hóa và chính quyền các địa phương tổ chức khảo sát thực địa và thống nhất tham mưu đề xuất UBND

¹Hướng dẫn nguồn lực của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT (*Văn bản số 157/BNN- KTHH ngày 10/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Văn bản số 1135/BTC- ĐT ngày 08/2/2023 của Bộ Tài chính*),

tỉnh và được UBND tỉnh cho chủ trương di dân khẩn cấp 93 hộ đến nơi ở mới an toàn gồm: xã Hướng Sơn **45** hộ di chuyển trong nội thôn Raly Rào; xã Húc **19** từ các thôn Tà Rừng, Cu Dong, Ta Núc đến đồi Cu Xeng, nông trường cũ; xã Hướng Lập **29** hộ từ thôn Cup đến thôn Cha ly). Hiện nay, các hộ đã ổn định cuộc sống nơi ở mới.

- Đối với giải pháp đảm bảo sinh kế:

Trên tinh thần kế thừa của Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012, Quyết định 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình cho giai đoạn 2021- 2025 thì trong 3 hình thức sắp xếp bố trí dân cư (*xen ghép, tập trung và tại chỗ*) ưu tiên số 1 là di dân xen ghép kết hợp với di dân tập trung và ổn định tại chỗ; đồng thời việc *bố trí đất ở* để người dân di chuyển người và tài sản đến nơi ở mới an toàn là vấn đề then chốt, còn *đất sản xuất* thì người dân vẫn phát triển sản xuất tại đất cũ (*tức là sinh kế của người dân không bị thay đổi*).

Đối với di dân tập trung, tùy theo phạm vi, quy mô của từng dự án di dân tập trung để bố trí quỹ đất cho người dân phát triển sản xuất, như dự án di dân khẩn cấp ra khỏi sạt lở bờ sông xã Hải Lệ- Thị xã Quảng Trị có bố trí 3.000m² đất sản xuất và 900m² đất vườn tạp/1 hộ tại nơi tái định cư mới để người dân tạo sinh kế mới; đồng thời lồng ghép từ các chương trình MTQG, dự án khác để hỗ trợ phát triển sản xuất và ổn định cuộc sống lâu dài.

Hiện nay, việc hỗ trợ sinh kế cho người dân sau khi bố trí ổn định dân cư được lồng ghép từ nhiều chương trình, dự án từ các Chương trình MTQG, Chương trình khuyến nông và chính sách đặc thù của tỉnh còn hiệu lực như: Nghị quyết 162/2021/NQ- HĐND tỉnh ngày 9/12/2021 quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2026; Nghị quyết 161/2021/NQ- HĐND tỉnh ngày 9/12/2021 quy định mức hỗ trợ và ngân sách bố trí cho công tác khuyến nông và thú y trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết 99/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định nội dung, mức hỗ trợ trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; chương trình OCOP, Nghị quyết 68/2022/NQ- HĐND ngày 18/10/2022 về hỗ trợ kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022- 2026 và nhiều chính sách khác.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo Ban cán sự Đảng UBND tỉnh và xin ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND Tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng Tỉnh ủy (báo cáo);
- Ban Kinh tế Ngân sách-HĐND tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Hồ Xuân Hòa

